

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132/2013/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Quyết định số 79/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện Công ước Đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Lạng Sơn;

Sau khi xem xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Báo cáo của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lạng Sơn đến 2020 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo tồn và nâng cao tính đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác quản lý và phát triển các loài, sinh cảnh bị suy thoái; duy trì và phát triển các nguồn gen quý hiếm; bảo vệ tốt môi trường sinh thái, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội bền vững của tỉnh; xây dựng và nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2015:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ cấp huyện, cấp xã và người dân tại các khu bảo tồn thiên nhiên;

- củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống rừng đặc dụng, đẩy mạnh trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng góp phần đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 54% - 55%; hạn chế các vụ xâm hại đến rừng như chặt phá, cháy rừng; xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

- Nghiên cứu, đề xuất thêm 02 mô hình khôi phục, phát triển rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, bảo tồn nguồn gen quý dựa vào cộng đồng thông qua dự án “Nâng cao năng lực quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng” hiện đang thực hiện tại thôn Hồ Mười, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng;

- Khảo sát, đánh giá chi tiết đa dạng sinh học phục vụ việc lập đề án các khu bảo tồn thiên nhiên.

2.2. Đến năm 2020:

- Phát triển rừng bền vững, nâng độ che phủ của rừng lên 60%; giảm thiểu tối đa các hoạt động khai thác trái phép tài nguyên thiên nhiên và các đe dọa khác đến đa dạng sinh học;

- Hoàn thành Quy hoạch tổng thể hệ thống các khu bảo tồn đa dạng sinh học, hình thành hệ thống hành lang đa dạng sinh học để kết nối các hệ sinh thái; lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khu bảo tồn thiên nhiên cấp Quốc gia đối với khu rừng đặc dụng Hữu Liên- Hữu Lũng; 100% các khu bảo tồn được điều tra, đánh giá mức độ đa dạng sinh học để làm cơ sở đề xuất xây dựng khu bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh;

- Bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững đa dạng sinh học nông nghiệp: 50% các nguồn gen cây trồng, vật nuôi nông nghiệp được điều tra, đánh giá; 50% các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, nhất là các giống loài đặc hữu, quý, hiếm, có giá trị kinh tế được xây dựng chương trình bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững;

- Sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật: 90% các loài sinh vật lạ xâm lấn, ngoại lai xâm hại được đánh giá, thống kê đầy đủ có kế hoạch hành động kiểm soát ngăn chặn; 90% các điểm nuôi, kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã được quản lý và kiểm soát; 90% các loài động vật, thực vật quý hiếm đã điều tra tại các khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh có hồ sơ theo dõi.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch bảo tồn các loài động vật, thực vật quý hiếm

- Quy hoạch bảo tồn các loại động vật: gồm 21 loài lớp thú thuộc 6 bộ như bộ Cánh da, bộ Linh trưởng, bộ Thú ăn thịt, bộ Móng guốc ngón chẵn, bộ gặm nhấm và bộ Thỏ; 13 loài lớp chim thuộc 5 bộ như bộ Ngỗng, bộ Cắt, bộ Gà, bộ Sẻ và bộ Sẻ; 18 loài bò sát, lưỡng cư đang bị đe dọa ở mức độ rất nguy cấp như Trăn đất, Rùa hộp ba vạch,Ếch gai, Rắn ráo, Kỳ đà nước, Rắn hổ mang; 5 loài cá quý hiếm đang bị đe dọa ở mức rất nguy cấp như cá Măng giã, cá Lăng chấm, cá Anh vũ, cá Ngựa bắc, cá Chiên và 2 loài đã bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên nhưng còn tồn tại ở điều kiện nuôi nhốt như Cá Lợ thân thấp và Cá Chép gốc.

- Quy hoạch bảo tồn đối với hệ thực vật: gồm 57 loài thực vật tại tỉnh được xếp vào danh mục các loài quý hiếm có cơ tuyệt chủng ở mức độ ít nguy cấp đến mức độ rất nguy cấp như Hoàng đàn, Ô rô bà, Nghiến, Thảo thông, Cam thảo đá bia, Trai lý, Sến mật, Bách hợp, Ba kích.

3.2. Quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học

- Quy hoạch 5 khu bảo tồn đa dạng sinh học:

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên: Cấp bảo tồn là Khu bảo tồn thiên nhiên cấp Quốc gia với diện tích 8.293,4 ha. Ranh giới thuộc địa giới hành chính của toàn bộ xã Hữu Liên, một phần xã Yên Thịnh, một phần xã Hoà Bình huyện Hữu Lũng; một phần xã Hữu Lễ huyện Văn Quan và một phần xã Vạn Linh huyện Chi Lăng.

+ Khu bảo tồn Mẫu Sơn: Cấp bảo tồn là Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh với diện tích 11.060 ha. Ranh giới nằm trên địa bàn xã Mẫu Sơn huyện Lộc Bình và các xã Công Sơn, Mẫu Sơn huyện Cao Lộc.

+ Khu bảo tồn Lâm Ca-Đồng Thắng: Cấp bảo tồn là Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh với diện tích: 6.214 ha. Ranh giới nằm trên địa bàn xã Lâm Ca và Đồng Thắng huyện Đình Lập.

+ Khu bảo tồn Bắc Sơn: Cấp bảo tồn là Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh với diện tích 1.088 ha. Ranh giới nằm trên địa bàn xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn.

+ Khu bảo tồn Mỏ Rẹ: Cấp bảo tồn là Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh với diện tích 2.302 ha. Ranh giới nằm trên địa bàn các xã Nhất Hòa, Tân Hương và Vũ Lăng huyện Bắc Sơn.

- Quy hoạch 02 hành lang đa dạng sinh học:

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên và khu bảo tồn Mỏ Rẹ với diện tích 723 ha.

+ Khu bảo tồn Mẫu Sơn và khu bảo tồn Lâm Ca - Đồng Thắng với diện tích 2.184 ha.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

4.1. Công tác tuyên truyền: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật Đa dạng sinh học và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, phát huy tính chủ động của người dân vào việc tham gia bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học của tỉnh; giúp cộng đồng dân cư gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

4.2. Giải pháp về công tác quản lý: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, đặc biệt là nhận thức và trách nhiệm về bảo tồn đa dạng sinh học; rà soát, bổ sung, xây dựng các văn bản quy định về quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên theo Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

4.3. Giải pháp kỹ thuật: Ứng dụng các mô hình kinh tế nông nghiệp bền vững dựa vào cộng đồng và nguồn tài nguyên sinh vật nhằm bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; phân định ranh giới, vị trí khu bảo tồn trên thực địa; phân khu bảo vệ nghiêm ngặt trong khu bảo tồn; quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, thu thập nguồn gen; theo dõi, tổ chức thu thập thông tin, số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và lập báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn; có biện pháp phòng, trừ dịch bệnh trong khu bảo tồn; nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ để bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật.

4.4. Giải pháp xã hội: Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, địa phương trong tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; phát huy nguồn kiến thức, kỹ năng của người dân bản địa tại các địa phương.

4.5. Giải pháp hợp tác: Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận và hợp tác quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó chú trọng việc trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật về đa dạng sinh học.

4.6. Giải pháp về nguồn vốn: Đa dạng hóa các nguồn tài chính đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học và tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước. Ưu tiên lồng ghép các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực.

5. Nguồn vốn thực hiện quy hoạch

Tổng nhu cầu vốn là 84 tỷ đồng, phân kỳ như sau:

- Từ nay đến năm 2015 là 14,5 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước là 4,5 triệu đồng (Trung ương 50% và địa phương 50%); vốn huy động cộng đồng là 6 tỷ đồng; vốn khác là 4 tỷ đồng.

- Từ năm 2016 đến năm 2020 là 69,5 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước là 30 tỷ đồng (Trung ương 50% và địa phương 50%); vốn huy động cộng đồng là 30 tỷ triệu đồng; vốn khác là 9,5 tỷ đồng.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực sau mười (10) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XV, kỳ họp thứ tám thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Kiểm